TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: **37**/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2023

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Châu Văn Bình;

2. Ông Trương Hoàng Hoa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên;

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2022/QĐXXST-HN ngày 29/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu A**, sinh năm 1981 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Phạm Tiến B**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Tiến B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 16 tháng 3 năm 2001. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt do không hòa hợp về tính tình, đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Về con chung: có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Tường C, sinh ngày 14/10/2001; Phạm Nguyễn Gia D, sinh ngày 26/05/2007; Phạm Nguyễn Gia E, sinh ngày 26/11/2008. Hiện nay cháu C đã trưởng thành chị không có yêu cầu gì, cháu E đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu E, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Cháu D đang sống với anh B chị yêu cầu anh B tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Phạm Tiến B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có gửi văn bản ghi ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị A đối với anh B.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị Nguyễn Thị Thu A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ năm 2021 đến nay do có mẫu thuẫn trong cuộc sống, không còn tình cảm, anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa cho chị A ly hôn; Về con chung: cháu E đang sống với chị A và ý chí cháu muốn sống với chị A nên đề nghị giao cháu E cho chị A tiếp tục nuôi và cháu D đang sống với anh B nên giao cho anh B nuôi và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị không ai có yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thu A và anh Phạm Tiến B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 16 tháng 3 năm 2001 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 B hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu A có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận việc. Bị đơn anh Phạm Tiến B đã được triệu tập hợp lệ xét xử, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu A; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gay gắt về tình cảm, về quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm nhau, mâu thuẫn trong thời gian dài và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Việc mâu thuẫn có nhiều lần trao đổi hàn gắn với nhau nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được, chị A kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có căn cứ. Phía anh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của chị A, điều đó cho thấy anh B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị A nên cần xem xét cho chị A ly hôn là phù hợp với Điều 56 B hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Tường C, sinh ngày 14/10/2001; Phạm Nguyễn Gia D, sinh ngày 26/05/2007; Phạm Nguyễn Gia E, sinh ngày 26/11/2008. Hiện nay cháu C đã trưởng thành chị A không có yêu cầu gì. Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi cháu E của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy hiện cháu E đang sống với chị A, chị A yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu E, anh B không có ý kiến phản đối nên cần giữ ổn định cho cháu về nơi ở, về mặt tâm lý nên giao cho chị A tiếp tục nuôi cháu E. Chị A không có yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu D đang sống với anh B chị A có yêu cầu để cho anh B tiếp tục nuôi, anh B không có ý kiến nên giao cháu D cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[**8**] Về quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 B Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu A đối với anh Phạm Tiến B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu A được ly hôn với anh Phạm Tiến B;

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Gia E, sinh ngày 26/11/2008 cho chị Nguyễn Thị Thu Hương tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Phạm Nguyễn Gia D, sinh ngày 26/05/2007 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị A và anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh chị có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung đối với con chung không do mình trực tiếp nuôi, không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Hương phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0025070 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 B Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 B Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 B Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ